

HOÀNG MINH TỰ TÁC GIẢ KỊCH BẢN TUỒNG NAM BỘ NỔI TIẾNG TRƯỚC 1945

Nguyễn Thị Huyền Trang^{1*}

HOANG MINH TU A FAMOUS WRITER OF TUONG BEFORE 1945 IN SOUTHERN VIETNAM

Nguyen Thi Huyen Trang^{1*}

Tóm tắt – Hoàng Minh Tự là một trong những cây bút nổi tiếng ở mảnh đất Nam Bộ vào những thập niên 20, 30 của thế kỷ XX. Ông để lại cho đời nhiều áng văn chương nổi tiếng với nhiều tiểu thuyết tâm lý xã hội – ái tình, một số truyện thơ lục bát, đặc biệt hơn ông còn là soạn giả của một số vở tuồng nổi tiếng như Sơn hậu, Tống tửu Đơn Hùng Tín, Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên, Ông Địa nàng Tiên. Bài báo này có mục đích tìm hiểu, giới thiệu những điểm đặc trưng trong sáng tác tuồng của ông. Bằng phương pháp thống kê, phân tích và so sánh các đặc điểm của kịch bản tuồng, nghiên cứu nhận thấy tuồng của Hoàng Minh Tự mang đến cho người đọc một luồng không khí mới với ngôn từ giản dị, gần gũi, dễ hiểu, đậm chất Nam Bộ nhưng vẫn giữ được những nét đặc trưng truyền thống của một vở kịch bản tuồng. Nghiên cứu này có ý nghĩa trong việc giúp độc giả hiểu biết thêm về Hoàng Minh Tự và những đóng góp của ông cho nền nghệ thuật Tuồng Nam Bộ nói riêng và nghệ thuật Tuồng Việt nói chung.

Từ khóa: Hoàng Minh Tự, kịch bản tuồng, tuồng, tuồng Nam Bộ.

Abstract – Hoang Minh Tu is one of the famous Tuong (Vietnamese classical drama) writers in the Southern Vietnam region in the 20s and 30s of the 20th century. He bequeathed many

famous works of literature, including numerous psychological and social novels, six-eight poems. Especially, he was also the composer of several famous Tuong such as Sơn hậu, Tống tửu Đơn Hùng Tín, Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên, Ông Địa nàng Tiên. This paper investigates the distinctive characteristics of his works. Utilizing quantitative, analytical, and comparative approaches, the study demonstrates that his works introduce a renewed sensibility to the genre by using plain, accessible language rooted in the vernacular and cultural context of Southern Vietnam, while simultaneously preserving the core structural and aesthetic elements of Tuong. The research contributes to a more comprehensive understanding of Hoang Minh Tu's artistic contributions and his role in shaping the development of Southern Vietnamese Tuong in particular, and Vietnamese Tuong in general.

Keywords: Hoang Minh Tu, Southern Vietnamese Tuong, Tuong, Tuong script.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tuồng (hát bội, hát bộ) đã tồn tại và phát triển ở nước ta hàng trăm năm [1], trở thành một loại hình giải trí không thể thiếu trong đời sống của người dân Nam Bộ. Việc biểu diễn, nghiên cứu, tìm hiểu về tuồng đang gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng nhất chính là việc các kịch bản tuồng ngày càng trở nên xa lạ đối với độc giả, khán giả, nhà nghiên cứu [1]. Các kịch bản tuồng cổ phần lớn được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm, có nhiều điển tích, điển cố xa lạ với người đọc nên việc hiểu nội dung của chúng là một việc vô cùng khó khăn.

¹Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 12/9/2024; Ngày nhận bài chỉnh sửa: 15/02/2025; Ngày chấp nhận đăng: 29/4/2025

*Tác giả liên hệ: nthuyentrang@hcmussh.edu.vn

¹VNUHCM-University of Social Sciences and Humanities, Vietnam

Received date: 12 September 2024; Revised date: 15 February 2025; Accepted date: 29 April 2025

*Corresponding author: nthuyentrang@hcmussh.edu.vn

Hoàng Minh Tự là một trong số ít các soạn giả đã cố gắng soạn lại các vở tuồng cổ bằng chữ Quốc ngữ. Có thể nhận thấy ông là một trong những người đi tiên phong trong việc sử dụng chữ Quốc ngữ để soạn các vở tuồng với ngôn ngữ đời thường, giúp cho người đọc dễ đọc, dễ hiểu nội dung của câu chuyện [1]. Bài viết giới thiệu về những đóng góp của ông trong việc soạn các kịch bản tuồng, làm cơ sở cho những nghiên cứu sâu hơn về ông nói riêng và tuồng Nam Bộ nói chung đồng thời cũng góp viên gạch nhỏ cho quá trình lưu giữ, truyền bá những giá trị nghệ thuật, cụ thể là nghệ thuật sân khấu hát bội.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Trước nay việc thống kê, sưu tập kịch bản tuồng ở Nam Bộ đã được đề cập đến trong một số công trình như *Nghệ thuật hát bội Việt Nam* của Nguyễn Lộc và cộng sự [2], *Tìm hiểu nghệ thuật tuồng* của Mịch Quang [3], *Từ điển nghệ thuật hát bội Việt Nam* do Nguyễn Lộc chủ biên [4], *Văn học miền Nam lục tỉnh* của Nguyễn Văn Hầu [5]; *Nhìn về sân khấu hát bội* của Đinh Bằng Phi [6]; *Tổng quan tình hình nghiên cứu và tư liệu kịch bản Tuồng Nam Bộ trước 1945* của Nguyễn Thị Huyền Trang và cộng sự [7]; *Các thể loại kịch bản tuồng Nam Bộ trước 1945* của Nguyễn Thị Huyền Trang [8]. Các công trình trên đã thống kê, giới thiệu tên tuổi của một số soạn giả tuồng ở Nam Bộ như Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiêm. Trương Minh Ký, Đinh Thái Sơn, Đặng Lễ Nghi... Tuy vậy, tên tuổi của Hoàng Minh Tự cũng như các tác phẩm của ông chưa được đề cập, giới thiệu đến. Năm 2011, dựa trên những bài báo và những tác phẩm hiện còn của ông, Nguyễn Công Lý [9] cho rằng ‘Hoàng Minh Tự sinh vào khoảng đầu thế kỉ XX’, ‘quê ông ở Bến Tre’ và ‘khởi nghiệp cầm bút từ năm 1926 với những bài báo, sau đó chuyển sang viết tiểu thuyết từ năm 1931’. Nguyễn Công Lý [9] cũng cho biết thêm:

‘Hoàng Minh Tự đã cho in 16 tác phẩm, gồm 12 đoạn thiên tiểu thuyết và 01 vở tuồng, 03 truyện thơ lục bát. Những tác phẩm trên phần lớn đều do nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn, xuất bản, sớm nhất là vào năm 1931 và muộn nhất là năm 1934 (vở tuồng *Ông Địa nàng Tiên*). Như vậy,

chỉ trong vòng khoảng 04 năm, ông đã viết gần ấy tác phẩm, riêng trong năm 1931 ông đã cho in đến 11 cuốn, cũng đủ chứng tỏ ông là một cây tiểu thuyết Quốc ngữ có sức viết tương đối dồi dào hồi đầu thế kỉ XX’ [9].

Sau khi khảo sát và tìm hiểu, chúng tôi bước đầu tìm thấy Hoàng Minh Tự đã soạn bốn vở tuồng là *Sơn hậu* [10], *Tổng tể Đon Hùng Tín* [11], *Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên* [12], *Ông Địa nàng Tiên* [13]. Đây là những vở tuồng thể hiện những bước tiến trong nghệ thuật viết kịch bản tuồng Nam Bộ theo hướng hiện đại hóa. Hoàng Minh Tự đã lược bỏ nhiều yếu tố Hán ngữ khó đọc, khó hiểu vốn rất phổ biến trong các bản tuồng chữ Hán thay vào đó ông đã soạn lại các vở tuồng bằng chữ Quốc ngữ. Nhờ vậy, tác phẩm của ông có ngôn ngữ gần gũi, dễ hiểu, dễ đọc nhưng vẫn giữ được những nét đặc trưng vốn có của những vở kịch bản tuồng truyền thống.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đây là đề tài tổng hợp, có tính chất liên ngành do vậy bài viết đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu gồm: thống kê, so sánh – đối chiếu, phân tích – tổng hợp và tiếp cận thi pháp học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê để khảo sát, thống kê các kịch bản tuồng hiện còn của Hoàng Minh Tự dựa trên các sách nghiên cứu, báo, tạp chí ở các thư viện trường đại học, thư viện trung tâm, thư viện riêng, trên các trang web. Sau khi khảo sát, chúng tôi tìm thấy các vở Hát Bội của Hoàng Minh Tự đều được đăng bản PDF tải miễn phí trên trang web “Gallica” của Thư viện Quốc gia Pháp – BNF và trang web của Thư viện Quốc gia Paris. Đây là những nguồn tư liệu quý giá giúp chúng tôi biết về những đóng góp của Hoàng Minh Tự cho nền nghệ thuật Hát Bội nói riêng và văn học nghệ thuật nước nhà nói chung.

Mặt khác, các vở Hát Bội của Hoàng Minh Tự đều được biên soạn lại dựa vào các tích truyện hay các tích tuồng đã được nhiều soạn giả viết trước đó. Như vở Hát Bội *Sơn hậu*, hiện nay có rất nhiều dị bản khác nhau như bản chữ Hán do giáo sư Hoàng Châu Ký sưu tầm; hay bản do Lê Ngọc Báu hiệu đính vào năm 1930. Vì vậy, chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh – đối

chiếu để tìm ra những điểm chung và riêng về nội dung và kết cấu nghệ thuật của các vở hát bội. Nhờ phương pháp này, chúng tôi đã tìm thấy điểm khác và điểm giống trong bản hát bội do Hoàng Châu Ký sưu tầm và bản do Hoàng Minh Tự biên soạn lại.

Một phương pháp khác được sử dụng trong quá trình nghiên cứu chính là phương pháp phân tích – tổng hợp và phương pháp tiếp cận thi pháp học. Phương pháp tiếp cận thi pháp học được chúng tôi dựa theo lí thuyết của Gerard Genette, một nhà cấu trúc học người Pháp những năm 1970. Hệ thống các khái niệm của ông được dùng để phân tích các tác phẩm văn học trên nhiều khía cạnh như kết cấu không – thời gian, điểm nhìn và tiêu cự. Lí thuyết của Genette đã được dịch và giới thiệu trong cuốn *Tự sự học – Từ kinh điển đến hậu kinh điển* do Trần Đình Sử chủ biên [14]. Việc vận dụng kết hợp các phương pháp trong phân tích bốn vở tuồng đã giúp khám phá những điểm thú vị về cách xây dựng nhân vật, cách tái hiện không – thời gian về các sự kiện của câu chuyện trong tác phẩm của Hoàng Minh Tự.

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Tuồng Sơn hậu

Tuồng Sơn hậu [10], được in lần thứ nhất tại Nhà in Đức Lưu Phương 158, rue d’Espagne- Sài Gòn, năm 1934 (Hình 1). Vở tuồng được chia làm ba cuốn, mỗi cuốn 22 trang, bên ngoài bì sách đề tên soạn giả là Hoàng Minh Tự. Về cơ bản, Sơn hậu của Hoàng Minh Tự có nội dung gần giống với bản *Sơn hậu* được Hoàng Châu Ký giới thiệu trong cuốn *Tuồng cổ* in năm 1978 [15]. Theo Hoàng Châu Ký, đây là ‘cổ nhất trong số kịch bản *Sơn hậu* hiện có’ (Hoàng Châu Ký, tr.81) [15]. Tuy nhiên, bản tuồng *Sơn hậu* của Hoàng Minh Tự có những dấu ấn đặc trưng riêng, thể hiện sự sáng tạo độc đáo của tác giả [10].

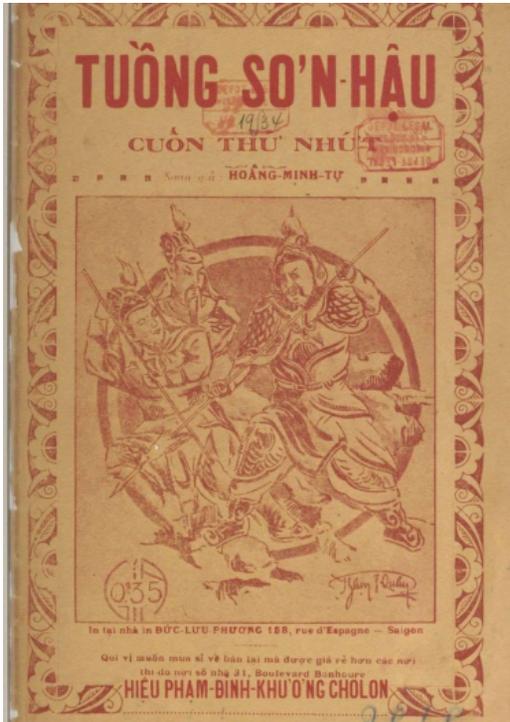
Điểm đặc trưng nổi bật nhất trong bản của Hoàng Minh Tự chính là tác giả viết bản tuồng *Sơn hậu* bằng chữ Quốc ngữ với cách sử dụng ngôn ngữ đời thường, gần gũi, dễ hiểu.

Ngôn ngữ trong kịch bản tuồng *Sơn hậu* chủ yếu là ngôn ngữ đối thoại thông qua một người kể chuyện ngôi thứ ba. Tác phẩm không xuất hiện những dòng trữ tình ngoại đề hay những lời

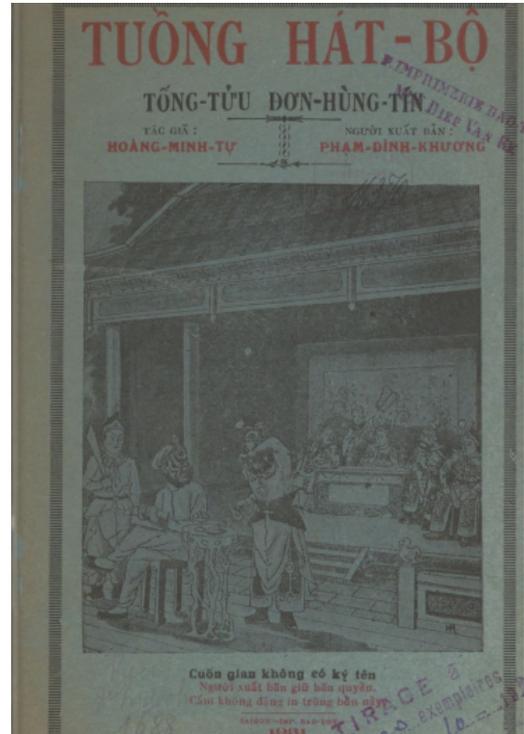
bàn luận của tác giả. Tác giả để cho nhân vật của mình tự đối thoại với nhau, tự giải bày tâm sự qua những câu hát nam, hát thán. Mạch truyện được diễn ra tự nhiên theo trình tự thời gian không có những đoạn hồi cố. Thời gian, không gian trong truyện kể, hành động của nhân vật, tâm trạng của nhân vật, thái độ yêu ghét, khinh khi đều được thể hiện thông qua ngôn ngữ của nhân vật

Trong khi đó, bản tuồng chữ Hán do Hoàng Châu Ký giới thiệu, có thể thấy ngôn ngữ trong tác phẩm không gần gũi, khá xa lạ với đời thường và có lẽ gây khó hiểu cho các thế hệ trẻ sau này như trong lớp tuồng Nguyệt Hạo và Kim Lân thề nguyện cứu mẹ con nhân vật Thứ phi, nhân vật hát nam ‘Ngửa nguyền chúng có sao dày, Con rồng phù hộ thoát vòng sói lang’ và nhân vật Kim Lân hát đối lại: ‘Tắm lòng son ngay vua độc báo, Quyết xua tan đảng cáo bầy lang’ [10]. Mặc dù vẫn là một điệu hát nam (là một lối hát ít sử dụng các yếu tố Hán tự) nhưng cách viết vẫn chưa gần gũi, dễ hiểu như cách dùng các từ, cụm từ trong tác phẩm của Hoàng Minh Tự. Hoàng Minh Tự thường viết những từ, cụm từ như ‘tốt phước dữ hôn’, ‘mạnh giỏi rửa chơn cho Phàn thị’, ‘miếng lễ’, ‘về bến mà hầu mua củi mua than cho bả’, ‘chị’ (chị)... và qua cách đặt tên nhân vật như Phụng Cơ, Nguyệt Kiều cho thấy rõ nét đặc trưng của phương ngữ Nam Bộ [10]. Trong bản tuồng của Hoàng Minh Tự, người đọc cũng có thể dễ dàng tìm thấy những câu hát nam với ngôn ngữ đối thoại, gần gũi, dễ hiểu, tiêu biểu ở lớp tuồng Đổng Kim Lân phò mẹ con Thứ phi chạy trốn, nhân vật Thứ phi hát: ‘*Châm châm mà chờ tôi với bó lão quan. Vái trên trời đất mấy từng, hộ cho Tề chúa thoát từng lưới sâu!*’, Kim Lân hát lại: ‘*Đi bó bà ôi! Tắm lòng ngay chúa chi sờn, miếng cho đặng vẹn cầm hôn tà gian*’. Và cuối cùng Thứ phi hát: ‘*Đợi, bó lão quan đợi! Trời ôi, ngó xuống mà coi, tấm thân bồ liễu quyết noi dấu Tề*’ [10].

Bên cạnh đó, khi so sánh bản tuồng *Sơn hậu* của Hoàng Minh Tự và bản mà Hoàng Châu Ký sưu tầm (đã đề cập ở trên), chúng tôi thấy trong bản của Hoàng Châu Ký sử dụng nhiều điển cố, điển tích, đưa các nhân vật trong lịch sử Trung Quốc vào tác phẩm như Nguyệt Hạo (cách phiên âm trong bản của Hoàng Châu Ký) khi khuyên chị mình đã lấy ả Mạnh nàng Khương, Lã Hậu



Hình 1: Bìa sách Tuồng Sơn hậu
(cuốn thứ nhì) [10]



Hình 2: Bìa sách tuồng Tổng tửu
Đơn Hùng Tín [11]

làm gương [15]. Trong khi đó, Hoàng Minh Tự để cho nhân vật Nguyệt Kiều nói những câu rất đời thường để khuyên chị mình như ‘Chị em ta rày hưởng lộc Tề, dòng họ Tạ vinh hoa biết mấy, cả anh em đã trọn bầy người nào ức hiếp chi thăm trách. Phận làm tôi cho vẹn đạo trung’ [10] hay trong cảnh nhân vật Tạ Thiên Lăng cầu xin nhà vua tha mạng mình đã nói ‘Xin tha cho hai tôi nhờ, điện hạ ôi’ [10].

Về các lối hát, bản tuồng của Hoàng Minh Tự có 15 lần hát nam, nhưng hát xuân chỉ một lần, hát khách tám lần. Đặc biệt, bản tuồng của Hoàng Minh Tự không có hát thán hay hát tán, cũng không có những câu hát oán. Đặc biệt, trong bản này không có bài thán ngũ canh của nhân vật Thứ phi, thay vào đó là một đoạn hát than khóc tiên hoàng, phụ thân và Phàn Diễm và không có đoạn tán của nhân vật Tạ Thiên Lăng như trong nhiều bản tuồng *Sơn hậu* khác.

Về mặt kết cấu, vở tuồng *Sơn hậu* của Hoàng Minh Tự cũng có những lời chúc tụng, ngợi ca, xưng danh như vẫn thường thấy ở các vở tuồng cổ khác. Tuy nhiên, đối với cách kết thúc, Hoàng

Minh Tự chọn cách kết thúc đơn giản bằng việc nhà vua lệnh cho quan văn đọc sắc lệnh vua ban thưởng cho những người đã có công trong việc giúp vua phục quốc. Thông thường, phần kết thúc trong các kịch bản tuồng cổ là những câu văn tuồng, những câu nói, câu hát kết thúc tác phẩm hoặc kết thúc hồi. Câu hát kết thúc hồi thường có nhiệm vụ tóm lại chuyện đã xảy ra trong hồi và giới thiệu tóm tắt nội dung của các hồi kế tiếp. Trong Hồi một, Hoàng Minh Tự đã kết thúc bằng việc để các quan đồng thanh ‘Chúng tôi đồng kính chúc Thiên nhan chúc tuế tăng vạn tuế vạn tuế’; Hồi hai, Hồi ba không có những câu văn tuồng như vẫn thường thấy trong các vở tuồng cổ.

Bản tuồng *Sơn hậu* của Hoàng Minh Tự có nội dung, kết cấu giống với bản tuồng *Sơn hậu* của Hoàng Châu Ký giới thiệu, tuy nhiên, có thể nói đây là một tác phẩm tuồng tiêu biểu với những đặc trưng riêng của vùng phương ngữ Nam Bộ gần gũi, dễ hiểu, ít điển tích điển cố, đặc biệt cách kể chuyện tự nhiên rất phù hợp với đặc điểm của kịch bản tuồng: cách kể chuyện tạo cho nhân vật

có cơ hội được tự thể hiện trên sân khấu. Nhờ vậy, người đọc có thể dễ dàng tìm hiểu về nội dung của vở tuồng hơn so với các bản truyền thống sử dụng nhiều từ Hán Việt.

B. Tuồng *Tổng tẩu Đơn Hùng Tín*

Bản thứ hai có tên là *Tổng tẩu Đơn Hùng Tín*, gần 23 trang, một hồi, in lần thứ nhất tại Saigon-Imp, Bảo Tồn, năm 1931. Từ hình ảnh của bìa sách chúng ta có thể thấy tác giả của vở tuồng là Hoàng Minh Tự, người xuất bản là Phạm Đình Khương [11].

Vở tuồng kể về lòng trung thành của nhân vật Hùng Tín với Vương Thế Sung. Vương Thế Sung nhận tin Thái tử Ngao Ngư tử trận. Đơn Hùng Tín biết được liền gặp Vương bàn mưu kế. Sau đó, Đơn An đem mật thư đi cầu viện nhưng Đơn An gặp Giảo Kim giữa đường phải tự vẫn. Vương Thế Sung nhận tin Đơn An tử trận liền sai Hùng Tín ra trận, Hùng Tín quyết tâm diệt giặc. Nhưng thế giặc rất mạnh, Hùng Tín phải cầu viện Châu Xáng, Châu Xáng từ chối vì hoàng tử còn nhỏ. Tiếp đó, là cảnh Hùng Tín chia tay vợ ra trận. Để chứng minh tấm lòng chung thủy với chồng, công chúa (vợ Hùng Tín) tự đâm mình. Hùng Tín ra trận bị Giảo Kim, La Thành bắt đem về nhà Đường. Tại triều Đường, Hùng Tín và Thế Dân (vua Đường) tranh luận, Thế Dân bước xuống mở trời cho Hùng Tín, suýt bị Hùng Tín đâm chết. Quan quân bàn Hùng Tín đầu hàng Đường triều, Hùng Tín thà chết chứ không đầu hàng nên bị xử tử. Về phía Vương Thế Sung, ở nhà chờ tin Hùng Tín nhận được tin dữ của Hùng Tín. Cuối vở tuồng Thế Sung bị quân Đường bao vây và bắt. Vua quan nhà Đường mừng thắng trận.

Về nội dung, vở tuồng có nội dung truyền thống, đề cao các giá trị trung, hiếu, tiết, nghĩa. Chữ trung trong tác phẩm được thể hiện qua lòng trung thành tuyệt đối của nhân vật Hùng Tín đối với Vương Thế Sung. Đó là việc Hùng Tín hi sinh tính mạng, hi sinh hạnh phúc riêng, không màng vinh hoa để giữ trọn lòng mình với vua. Tác phẩm còn ngợi ca tình nghĩa giữa các tướng sĩ dưới quyền Vương Thế Sung và đề cao tiết hạnh của người phụ nữ. Tuy vậy, trong vở tuồng *Tổng tẩu Đơn Hùng Tín*, tiết hạnh của người phụ nữ được khai thác theo một cách riêng. Nhân vật công chúa, vợ của Đơn Hùng Tín, ngày đêm

‘sầu não’ lo lắng cho sự an nguy của chồng và Vương huynh khi nghe tin quân Đường vây phủ Lạc Thành. Nàng buồn phiền vì mình là phận nữ nhi không thể đi ra ngoài, không thể ‘cầm cương lên ngựa’, không thể ‘liều sống thác với Đường binh’ [11]. Trước sự nghi ngờ của Hùng Tín về tiết hạnh của mình, nàng đã ‘thề trên có trời đất, chứng chiếu, dưới thần quỳ xét suy, nguyện ngày nào Phò mã thác ly, thời thiếp cũng an qui tự tiết’ [11]. Cuối cùng, để chứng minh cho tấm lòng của mình, nàng đã dùng gươm tự đâm mình. Một người con gái thương chồng, lo cho chồng nhưng nàng phải chết chỉ vì để chứng minh sự chung thủy của mình đối với chồng. Hùng Tín đã ép nàng phải chứng minh tiết hạnh đến cùng, khiến nàng phải chết để thể hiện tấm lòng của mình với chồng. Hình ảnh người vợ chết trong oan ức chỉ vì những quan niệm phong kiến lỗi thời nhưng tác giả tuồng lại để cho nhân vật Hùng Tín hải lòng trước cái chết của nàng. Hùng Tín cho rằng cái chết của nàng là vì một phần do sự bao vây của triều Đường chứ không nghĩ rằng cái chết của nàng là do sự ích kỉ, do tính gia trưởng và tư tưởng phong kiến của hắn gây nên.

Vở tuồng chủ yếu sử dụng ngôn ngữ đối thoại, thỉnh thoảng chen vào đôi câu kể của tác giả như ‘Đơn Hùng Tín rình ngoài, bước vô hỏi’ [11], ‘rồi lấy viết trao lên’ [11], ‘Đơn An đi tới gặp Giảo Kim’ [11], ‘Đơn An rút gươm ra, khóc tiến biệt’ [11], ‘Đơn An đâm họng mà chết’... Cách kể chuyện như vậy khó có thể tìm thấy trong các vở tuồng cổ như *Đình Lưu Tú*, *Tam Quốc* hay *Sơn hậu*. Trong các vở tuồng cổ thường tác giả để cho nhân vật của mình đóng hai vai trò: vai trò người kể chuyện và vai trò nhân vật. Nhưng trong tác phẩm của Hoàng Minh Tự bắt đầu có sự tách rời giữa vai trò của người kể chuyện với vai trò nhân vật trong tác phẩm. Theo chúng tôi, có lẽ đây là một sự cải tiến trong nghệ thuật viết kịch bản của Hoàng Minh Tự, cách viết ít nhiều đã có những hướng dẫn cho người diễn viên diễn trên sân khấu.

Một điểm nổi bật nữa trong tác phẩm này chính là việc tác giả đã khắc họa khá thành công nỗi lòng, tâm trạng của nhân vật. Đó là tâm trạng lo lắng, hoang mang xen lẫn tức giận của nhân vật Thế Sung trước cảnh bị quân Đường bao vây; tâm trạng nuối tiếc chưa đền ơn vua, đền nợ nước

đã phải từ già cõi đời của nhân vật Đôn An; tâm trạng lo lắng trước lúc từ già người vợ yêu quý và tâm trạng bất lực trước cảnh nước mất nhà tan của nhân vật Hùng Tín.

Về mặt kết cấu và cách xây dựng nhân vật, vở tuồng được mở đầu với lời giáo tuồng thể hiện ý chí nam nhi, quyết tâm bảo vệ giang sơn xã tắc của nhân vật vua Vương Thế Sung và kết thúc với cái chết của Vương Thế Sung và cảnh vua Thế Dân vui mừng vì cơ nghiệp phục hồi. Vở tuồng mở đầu giới thiệu Vương Thế Sung như là một bậc anh hùng, sẵn sàng bảo vệ giang sơn, đất nước, có tấm lòng cao thượng nhưng nhân vật này lại chịu cái kết bi thảm: bại trận, té ngựa chết trước quân của vua Thế Dân. Nhân vật vua Thế Dân lại chỉ xuất hiện trong lớp cuối của vở tuồng. Cách triển khai này khiến cho mạch câu chuyện không có sự kết nối với nhau, gây khó hiểu cho người đọc. Thông thường, các vở tuồng cổ như *Sơn Hậu*, *Đình Lưu Tú*, *Nhạc Hoa Linh*... thường có hai tuyến nhân vật rõ ràng, có sự đối kháng với nhau. Đó là tuyến nhân vật trung và nhân vật nịnh. Nhân vật ít có sự dao động trong tâm lí của mình, nghĩa là nhân vật không có sự thay đổi về mặt tính cách. Nếu là nhân vật trung thì trung từ đầu tác phẩm cho đến kết thúc tác phẩm. Nếu là nhân vật nịnh thì sẽ luôn có những hành động xấu xa từ đầu cho đến kết thúc tác phẩm. Tuy vậy, khi đọc về nhân vật Vương Thế Sung, chúng ta lại thấy tác giả xây dựng một Vương Thế Sung có ý chí mạnh mẽ, dũng cảm trên chiến trường và có nhiều bề tôi trung thành. Người đọc chỉ hiểu được Thế Sung là nhân vật phản diện qua đoạn tự bạch của nhân vật ‘Từ Thập Bác phản vương khởi loạn, trẫm nay chiếm đoạt Lạc thành; Trẫm danh hiệu Vương Thế Sung là chúa’ [11]. Ngược lại, hình ảnh vua Thế Dân xuất hiện đầu tiên trong tác phẩm như là một nhân vật phản loạn thông qua lời của Vương Thế Sung ‘Từ Đường đồng đem binh gây gỗ’, ‘Ôi, Đường tặc mi ôi! Chử đại thù quyết chẳng đội trời, muôn kiếp nguyện trừ loài sâu độc’ [11]. Nhân vật Hùng Tín cũng có những đoạn bạch thể hiện sự căm thù và quyết tâm ‘đầu sống thác... đóc thê lòng tận trung cang, thân dầu phải đồng tro tàn’ cũng phải tiêu diệt cho bằng được Thế Dân. Như vậy, trong vở tuồng này có chia làm hai tuyến nhân vật giữa hai phe đối đầu là Vương

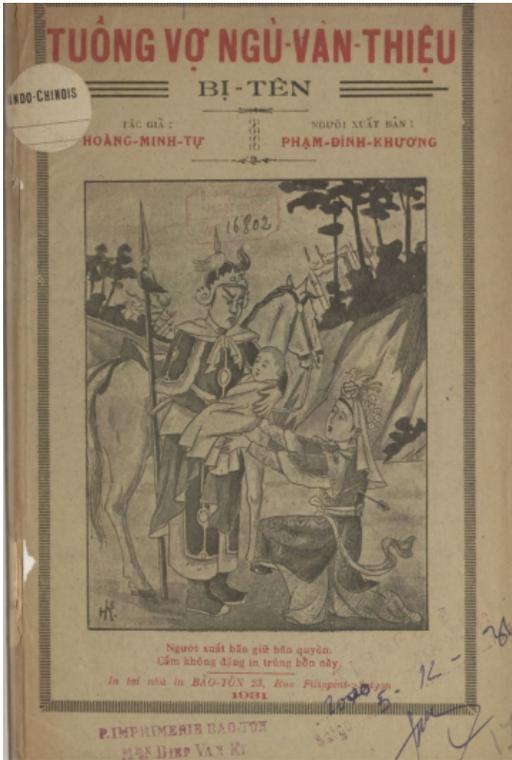
Thế Sung và Thế Dân nhưng không có các tuyến trung – nịnh như vẫn thường thấy trong các vở tuồng cổ.

C. *Tuồng Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên*

Vở tuồng tiếp theo là *Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên*, in năm 1931, tại nhà in Bảo Tồn 23, Rue Filippine – Saigon, một hồi, 22 trang. Bên ngoài bìa sách đề tên tác giả là Hoàng Minh Tự và người xuất bản là Phạm Đình Khương [12].

Câu chuyện kể về lòng hiếu thảo của Vân Thiệu dành cho cha mẹ và hành trình đấu tranh chống kẻ thù gian nan của vợ chồng Ngũ Vân Thiệu. Ngũ Vân Thiệu nhận tin báo Tuỳ Dương Quảng phản nghịch cướp ngôi, giết hết cả nhà họ Ngũ. Quân của Tuỳ vương đến đánh Vân Thiệu, Tư Mã Siêu tử trận. Vân Thiệu ra trận, đối đầu với Hàng Cầm Hồ. Cầm Hồ khuyên Vân Thiệu nên chạy trốn vì quân binh kéo đến rất đông. Quân giặc bao vây tứ phía, Vân Thiệu đánh nhau với Thành Đô, bị thua, chạy thoát. Tiêu Phan tình nguyện ra giải vây, bị rơi vào bẫy của giặc cướp Thiệu Tích; Thiệu Tích nhận ra thân tín của Vân Thiệu. Thiệu Tích cứu mấy người khách thương bị cướp. Quân thù bao vây tứ phía, Vân Thiệu buộc phải để phu nhân cùng mình ra trận. Giải Thị mình đầy thương tích, sinh con giữa chiến trường. Giải Thị chết, hiện hồn giúp cha con Vân Thiệu thoát nạn. Kết thúc vở tuồng là cảnh Vân Thiệu giao con cho Châu Xáng để qua Hà Bắc đăng bê báo oán.

Vở tuồng chưa rõ về số phận của Vân Thiệu sẽ ra sao nhưng đã nói lên tấn bi kịch đau đớn của gia đình Ngũ Vân Thiệu trong cảnh đao binh. Đau thương đầu tiên mà họ phải trải qua chính là việc kẻ thù đã giết toàn bộ người thân trong gia đình Vân Thiệu khi chàng đang cùng vợ canh giữ biên cương. Đau thương hơn nữa chính là Vân Thiệu phải chứng kiến những tướng tài, bề tôi trung thành của mình lần lượt ngã xuống trước mũi kiếm của kẻ thù cũng như phải chứng kiến nhiều tướng lĩnh của mình ‘phản quốc cầu vinh’. Tiếp đó, Vân Thiệu và vợ bị quân thù bao vây tứ phía ‘Ngoài ải binh dày quá nghiệt, tiếng pháo tên chằng đức ngày đêm, tứ phương người ngựa như nê, tám hướng mũi kim không lọt’ [12], trong doanh trại ‘Người hết lương, ngựa hết cỏ’, binh lính ‘cầm thương lên ngựa không nổi’ [12].



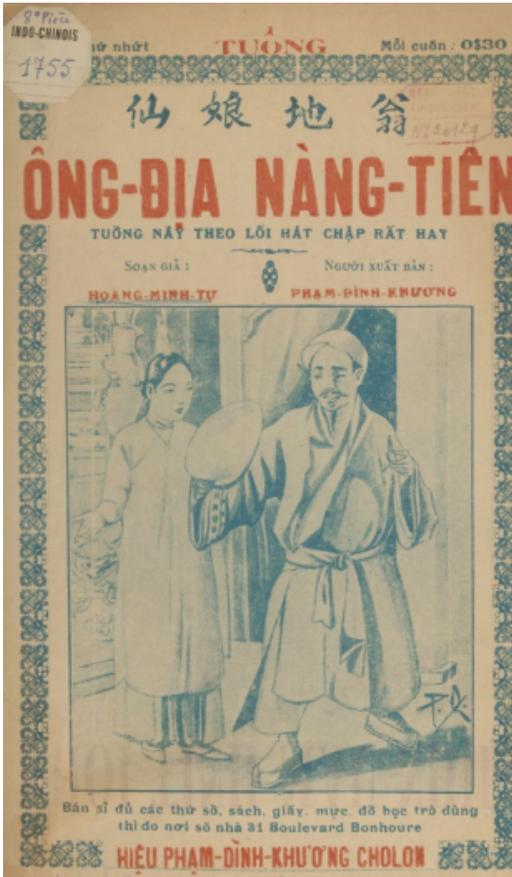
Hình 3: Bìa sách
tuồng Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên [12]

Cuối cùng, khi sức cùng, lực kiệt, Vân Thiệu đành phải đầu gối đưa vợ đang mang thai phá vòng vây của giặc. Hoàng Minh Tự đã dành rất nhiều trang viết để miêu tả về tấn bi kịch mà gia đình Vân Thiệu phải trải qua trong cuộc hành trình chạy trốn trước sự truy đuổi ráo riết của kẻ thù. Một phần quân thù ‘theo hàng hà sa số’, phần vì ‘có thai có nghén’, nên ‘mệt mỏi vô cùng’ nhưng vợ Vân Thiệu vẫn ‘liều số phận’, không dám ‘ưu phiến’ để chiến đấu bảo vệ gia đình của mình. Bi kịch hơn, trên hành trình chạy trốn đó, nàng còn phải chịu cơn đau đẻ hành hạ ‘đau cha chã là đau, quặn trăm chiều cang phé phủ mê’, đau như ‘kim châm dạ’, rồi nàng ‘khai huê nở nhụy’ giữa đường [12]. Cuối cùng, khi con vừa chào đời, nàng đành phải đầu gối nhìn con lần cuối rồi ra đi, để lại hai cha con Vân Thiệu bơ vơ, xung quanh là tiếng gươm đao của kẻ thù. Vở tuồng kết thúc trong cảnh chia lìa đau thương của gia đình Ngũ Vân Thiệu, sự hi sinh đau đớn của người mẹ đã để lại nhiều xúc động cho người đọc.

Về mặt nghệ thuật, vở tuồng không có cấu trúc ba hồi như các vở tuồng cổ khác mà chỉ có một hồi nói về cảnh vợ chồng Ngũ Vân Thiệu bị quân thù bao vây; màn chống trả của hai vợ chồng; quá trình sinh con và sự hi sinh của người vợ. Tác phẩm mở đầu với một đoạn tự bạch của nhân vật Vân Thiệu, bộc lộ ý chí của bậc anh hào, mong muốn ‘xô núi’, ‘lấp biển’, bảo vệ non sông, cố gắng để không ‘hổ cùng cây cỏ’ song lại không có phần kết thúc. Dù chỉ có một hồi ngắn gọn nhưng trong vở tuồng lại có nhiều điệu hát khách (loạn), hát nam (vãn), đặc biệt là những đoạn hát nam thể hiện nỗi đau chia li tiễn biệt. Đó là cảnh chia li giữa Vân Thiệu với Tiêu Phan; cảnh chia li của hai vợ chồng Vân Thiệu; cảnh Vân Thiệu phải chia tay đứa con vừa sinh của mình để tiếp tục trở lại chiến trường chiến đấu với kẻ thù. Những đoạn hát nam còn được tác giả thể hiện để bộc lộ tâm trạng đau đớn của Giải Thị và Vân Thiệu trong hoàn cảnh bế tắc, bị quân thù bao vây bốn phía. Giải Thị vừa phải chiến đấu chống lại kẻ thù vừa phải chịu cơn đau nghén hành hạ. Những đoạn hát nam được cất lên khiến cho người đọc cảm thấy được nỗi đau xót xa trước tình thế vô cùng bi đát của vợ chồng Vân Thiệu. Và rồi khi đứa con vừa chào đời cũng là lúc Giải Thị ra đi trong đau đớn, để lại hai cha con Vân Thiệu bơ vơ trong cảnh loạn lạc. Lúc này, nhân vật Vân Thiệu cất lên một điệu hát nam chạy, vừa ôm con vừa chạy trốn quân thù.

Điểm thú vị trong tác phẩm tuồng này chính là sự vắng mặt của người kể chuyện. Vở tuồng không có những câu dẫn truyện như trong tác phẩm *Tổng tể Đôn Hùng Tín*. Thay vào đó, tác giả lại để cho nhân vật đóng vai trò là người kể chuyện bằng việc sử dụng nhiều ngôn ngữ miêu tả. Thông qua ngôn ngữ miêu tả của nhân vật, người đọc sẽ thấy được những khó khăn, nguy hiểm mà vợ chồng Vân Thiệu trải qua như ‘Tên bắn vãi xem thôi chóa mắt’, ‘Bình Tuy nó theo đồng cha chã là đồng’, ‘bốn hướng không qua sợi chỉ, tám phương không lọt mũi kim’, ‘khai hoa nở nhụy’ [12]. Cũng nhờ ngôn ngữ miêu tả mà mọi không gian từ không gian rừng núi, không gian trong thành, ngoài thành, không gian trên đường chạy trốn ‘trước mặt là núi’, ‘sau lưng lại binh’ được tái hiện lại hết sức chân thực giúp người đọc tưởng tượng về một trận chiến khốc

liệt giữa Vân Thiệu và quân thù. Tác phẩm cũng thành công trong việc sử dụng hàng loạt các ngôn ngữ hành động như ‘chạy’, ‘xuống ngựa’, ‘cầm gươm’, ‘vây’, ‘bắn tên’ [12] để thấy về một cuộc giao tranh đẫm máu, một hành trình trốn chạy đầy gian nan, nguy hiểm.



Hình 4: Hình ảnh bìa sách tuồng Ông Địa nàng Tiên [13]

D. Tuồng Ông Địa nàng Tiên

Bản tuồng thứ tư có tên là *Ông Địa nàng Tiên*. Bìa của cuốn sách cho biết đây là bản in lần thứ năm, năm 1934, tại Nhà in Đức Lưu Phương 158, Rue d'Espagne – Saigon. Soạn giả vở tuồng là Hoàng Minh Tự và người xuất bản là Phạm Đình Khương. Ngoài ra, trên bìa sách cũng cho biết ‘Tuồng này theo lối hát chập rất hay’. Tuồng gồm có một hồi, 13 trang [13].

Theo nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng, ‘ở miền Tây Nam Bộ không có diễn chập *Địa Nàng*

trong lễ cúng miếu và thay vào đó là hát chập (hát trích đoạn các vở tuồng cổ, đào kép không cần hóa trang mặt). Điều này cho thấy sự thâm nhập ban đầu của hát bội vào nghi thức cúng miếu, vào hát bóng rối’ [16, tr.12]. Ông cũng cho biết thêm hát bội và những nghi thức trình hóa của tuồng đã thâm nhập vào hát bóng rối để từ đó tạo ra một kiểu thức diễn xướng tổng hợp cả tuồng lẫn bóng. *Địa nàng* là một trò diễn ra đời trong trường hợp tương tự như vậy và chính vì vậy nó mới được gọi là *chập bóng tuồng* [16, tr.13]. Theo nhận định này, chúng tôi đã tiến hành so sánh bốn bản *Địa Nàng*: 1. *Địa – Nàng* (Bản chữ Nôm); 2. *Ông Địa – Tiên nương* (in lần thứ nhất vào năm 1912); *Địa – Nàng* (Bản chữ Quốc ngữ chép tay, sưu tầm năm 1981) [16] và *bản Tuồng Ông Địa nàng Tiên* (do Hoàng Minh Tự sáng tác). Sau khi so sánh, chúng tôi nhận thấy các bản *Địa Nàng* đều có dung lượng ngắn, chỉ có hai nhân vật và một cảnh là màn đối thoại giữa ông Địa và nàng Tiên. Nhưng so với các bản khác, bản của ông Hoàng Minh Tự có cách xây dựng nhân vật khác hơn. Ông Địa được hiện lên trong các tác phẩm khác là một người tham lam, vòi vĩnh nàng Tiên khi nàng cần giúp đỡ. Các bản khác cũng có rất nhiều những mảnh trò như *Địa ăn giỗ*, *Địa chám chè*, *Địa ăn vụng chuối*, *Địa để* [13]. Điều đặc biệt là nàng Tiên và ông Địa cùng phối hợp nhịp nhàng để thực hiện các mảnh trò đó. Vì vậy, khi đọc các bản đó, người đọc cảm thấy nàng Tiên cũng là ‘đồng phạm’ giúp cho tính tham lam của ông Địa được bộc lộ lên cao trào. Tuy nhiên, trong bản của Hoàng Minh Tự, hình ảnh nàng Tiên và ông Địa lại được khai thác hoàn toàn khác. Câu chuyện kể về nàng Tiên nhận được sắc chỉ của Tiên Nương sai giáng trần để ban phước lộc cho bá tánh. Vừa xuống trần gian, đang lang thang chưa biết đường đi lối lại, nàng Tiên gặp lão Địa. Nàng hỏi ông đi đâu mà ‘lật đật’, ông trả lời ông phải đi vì ‘bão chè xôi’. Câu trả lời của ông làm cho nàng Tiên lúng túng vì nàng chưa bao giờ nghe từ đó và cũng chưa hiểu tại sao ông Địa lại có thể lật đật vì miếng ăn. Về phía ông Địa, ban đầu ông Địa tưởng nàng Tiên xuống trần gian cũng để ‘hưởng xôi chè’ như mình nhưng rồi ông lại tỏ thái độ thối mắng khó hiểu khi biết nàng Tiên chỉ xuống để ban phước lộc mà không có bất kì một đòi

hỏi gì đối với nhân thế. Vì vậy, hai người vừa đi vừa tranh luận về mục đích của chuyến đi và bàn luận về những suy nghĩ của đối phương. Sau khi nghe nàng Tiên nói về những suy nghĩ của mình, ông Địa cũng giải bày về những điều tai nghe mắt thấy ở chôn trần gian cho nàng Tiên nghe. Cuối cùng, họ vừa đi vừa làm trò. Ông Địa đóng giả cảnh mình đang đến thời kì ‘nở nhụy’ (đóng vai đào đẽ) để cho ‘chóng chóng, đập mây hồng, giáng hạ trần gian’ [13].

Câu chuyện đơn giản chỉ có vậy nhưng qua đó người đọc có thể thấy được các quan điểm sống khác nhau của ông Địa và nàng Tiên. Ông Địa có tính cách vô tư, thật thà khi ‘ai hữu sự kêu thì Địa tới’, ai ‘mời Địa thì Địa âu đời gót’; ‘Địa hết lòng làm nghĩa giúp lành, ai trả lễ Địa không hề trễ’ [13]. Nghĩa là quan điểm sống của ông rất đơn giản, khi người ta cần đến ông thì ông sẵn sàng giúp đỡ và khi người ta mời ông ăn thì ông sẵn sàng ăn. Nhân vật ông Địa là một người ít suy nghĩ về lễ nghi, về những vấn đề thể thái nhân tình. Ông quan tâm về cuộc sống cá nhân, về những sở thích riêng của mình bởi với ông ‘Bụng Địa lớn hưởng hơi sao đủ, đói bụng rồi đi chậm như rùa, thì thất đức, nên Địa lo bụng trước’ [13]. Điều duy nhất mà ông ‘oán sâu’ trong lòng chính là việc ‘lũ ruồi’ dám ăn trước ông, song ông không muốn sát sinh nên ‘đánh cam ôm bụng chịu’ [13]. Tuy ông vô tư, thật thà là vậy nhưng ông vẫn phải chịu nỗi oan của cõi trần. Đó là nỗi oan bị một cô gái đổ thừa ông là cha của con cô chỉ vì thằng bé ‘mập ú mềm, tay chơn to lớn, bụng lại chang bang’ như ông Địa [13].

Trái lại, nàng Tiên xuống trần mang theo sự thánh thiện và một tâm hồn trong sáng, bao dung. Nàng chưa bao giờ nghĩ về những việc ân oán trong dân gian cũng không nghĩ nhiều về nhân tình thế thái. Khi nghe chuyện của ông Địa, nàng đã bắt đầu hiểu về những mong ước thầm kín nhưng đơn giản của ông Địa cũng như của con người. Câu chuyện đã mang đến một bài học nhân sinh quan về cuộc sống. Đó là đừng đánh giá mọi việc chỉ dựa trên vẻ bề ngoài mà phải đặt mình vào vị trí của người khác, tâm sự với người khác để hiểu hơn những nỗi lòng của họ. Trong câu chuyện này, ông Địa được miêu tả với hình dạng của một kẻ tham ăn, lỗ mãng, chỉ biết nghĩ đến

xôi chè nhưng ẩn sâu trong con người ông lại là một người nhân hậu, thương người.

Mặc dù có những ảnh hưởng của thể loại bóng tuồng nhưng tác phẩm *Ông Địa nàng Tiên* vẫn mang đậm phong cách của một vở tuồng hát bởi hình thức nghệ thuật của kịch bản này vẫn giống với kịch bản hát bội. Tác phẩm cũng có đoạn mở đầu với một đoạn giáo đầu là lời bạch của ông Địa về lai lịch của mình. Và kết thúc như cách của các vở tuồng truyền thống vẫn làm đó là sự ca ngợi về một nền thái bình thịnh trị và chúc thọ nhà vua. Trong vở tuồng cũng có những điệu hát nam và hát nam xuân thể hiện thái độ, tâm trạng của nhân vật ông Địa về những vấn đề của nhân thế. Về mặt ngôn ngữ, ngôn ngữ trong vở tuồng này là ngôn ngữ đời thường, hài hước, gây cười, ít yếu tố Hán Tự, chủ yếu là các màn đối thoại. Cũng giống như vở *Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên*, vai trò của người kể chuyện gần như biến mất. Tác giả cũng để cho nhân vật của mình đóng vai trò là người kể chuyện.

V. KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu, tìm hiểu về tuồng nói chung và tuồng Nam Bộ nói riêng hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về vấn đề tư liệu do nhiều kịch bản tuồng thiếu chữ, thiếu trang, thiếu hồi hoặc nằm rải rác chưa được mấy ai quan tâm giới thiệu. Góp nhặt những hiểu biết của mình về kịch bản bản tuồng là một việc nên làm nhằm góp phần củng cố hệ thống tư liệu tuồng, giúp cho người đọc, người nghiên cứu có thêm tư liệu cũng như bảo tồn những giá trị nghệ thuật mà cha ông để lại. Vì vậy, nghiên cứu và giới thiệu về tuồng của Hoàng Minh Tự không chỉ giúp bạn đọc biết thêm về một số vở tuồng hay của ông, hoàn thiện hơn bức chân dung của vị tác giả này mà còn góp phần nhỏ trong việc giữ gìn và quảng bá các kịch bản tuồng cũng như nghệ thuật tuồng truyền thống Việt Nam.

Với bốn tác phẩm của Hoàng Minh Tự mà chúng tôi đã giới thiệu ở trên cho thấy những đóng góp không nhỏ của ông đối với nền nghệ thuật tuồng cũng như nền văn học Nam Bộ. Cả bốn vở tuồng đều được viết theo chữ Quốc ngữ, ít sử dụng điển cố điển tích nên gần gũi, dễ hiểu và đặc biệt ngôn ngữ trong tác phẩm mang đậm chất Nam Bộ. Mặc dù được viết theo ngôn ngữ mới

nhưng Hoàng Minh Tự vẫn cố gắng giữ những điểm đặc trưng về nghệ thuật tuồng như về kết cấu mở đầu và kết thúc. Trong các vở tuồng vẫn có nhiều điệu hát như hát nam, hát khách, hường, tán gây sự xúc động cho người đọc. Điểm đặc biệt là trong các vở tuồng, Hoàng Minh Tự tập trung khai thác chiều sâu tâm lí của nhân vật như nỗi lòng của Nguyệt Hạo, Đổng Kim Lân, Phàn Thứ phi, Định Công trong *Sơn hậu*; nỗi lòng chua xót của Vân Thiệu trước cảnh nước mất nhà tan, nỗi lòng của người mẹ phải chứng kiến cảnh con mình được sinh ra trong sự bao vây của kẻ thù trong vở tuồng *Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên*; nỗi lòng đau đớn trước cảnh vua tôi bị nạn mà không thể làm gì của nhân vật Hùng Tín trong vở *Tổng tâu đơn Hùng Tín*. Riêng với vở tuồng *Ông Địa Nàng Tiên*, tuy là một vở tuồng hài, ngắn gọn nhưng tác phẩm cũng mang đến cho người đọc những nhân sinh quan lí thú như quan điểm về cuộc sống, những oan khuất của ông Địa, sự vui vẻ hồn nhiên của ông Địa, nàng Tiên trước những thói hư tật xấu của dân gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Huyền Trang. *Nghiên cứu kịch bản tuồng Nam Bộ trước 1945*. Luận án tiến sĩ. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2023. [Nguyen Thi Huyen Trang. *Studying the script of Southern Tuong before 1945*. Doctoral thesis. Ho Chi Minh City, Vietnam: University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City; 2023].
- [2] Nguyễn Lộc, Võ Văn Tường. *Nghệ thuật Hát Bội Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà Xuất bản Văn hóa; 1994. [Nguyen Loc, Vo Van Tuong. *Vietnamese Hat Bội art*. Hanoi, Vietnam: Culture Publishing House; 1994].
- [3] Mịch Quang. *Tìm hiểu nghệ thuật Tuồng*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà Xuất bản Văn hóa Nghệ thuật; 1982. [Mich Quang. *Understanding the art of Tuồng*. Hanoi, Vietnam: Culture and Arts Publishing House; 1982].
- [4] Nguyễn Lộc (chủ biên). *Từ điển nghệ thuật Hát Bội Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 1998. [Nguyen Loc (ed.). *Dictionary of Vietnamese Hat Bội art*. Hanoi, Vietnam: Social Sciences Publishing House; 1998].
- [5] Nguyễn Văn Hâu. *Văn học miền Nam lục tỉnh. T.2, Văn học Hán Nôm thời khai mở & xây dựng đất mới*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà Xuất bản Trẻ; 2012. [Nguyen Van Hau. *Southern Vietnamese literature of the six provinces, Vol. 2: Sino-Nom literature during the pioneering and development period*. Ho Chi Minh City, Vietnam: Tre Publishing House; 2012].
- [6] Đinh Bằng Phi. *Nhìn về sân khấu Hát Bội Nam Bộ*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà Xuất bản Văn nghệ; 2005. [Dinh Bang Phi. *Looking at the Vietnamese Southern Hat Bội theatre*. Ho Chi Minh City: Van nghe Publishing House; 2005].
- [7] Nguyễn Thị Huyền Trang, Đoàn Lê Giang. Tổng quan tình hình nghiên cứu và tư liệu kịch bản Tuồng Nam Bộ trước 1945. Trong: *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Những vấn đề Văn học và Ngôn ngữ Nam Bộ”*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Đại học Quốc gia; 2023. tr.352. [Nguyen Thi Huyen Trang, Doan Le Giang. Overview of research and materials on Southern Vietnamese tuồng scripts before 1945. In: *Proceedings of the scientific conference “Issues in Southern Vietnamese Literature and Language”*. Ho Chi Minh City, Vietnam: Vietnam National University; 2023. p.352].
- [8] Nguyễn Thị Huyền Trang. Các thể loại kịch bản tuồng Nam Bộ trước 1945. Trong: *Kỷ yếu hội thảo “Giảng dạy, nghiên cứu Việt Nam học và Tiếng Việt 2018”*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Đại học Quốc gia; 2018. [Nguyen Thi Huyen Trang. Genres of Southern Vietnamese Tuồng scripts before 1945. In: *Proceedings of the conference “Teaching and Research on Vietnamese Studies and Vietnamese Language 2018”*. Ho Chi Minh City, Vietnam: Vietnam National University].
- [9] Nguyễn Công Lý. *Văn học quốc ngữ Nam Bộ đầu thế kỉ XX: Mấy ghi nhận về tiểu thuyết tâm lý xã hội – ái tình của Hoàng Minh Tự*. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc-vi%E1%BB%87t-nam/2926-vn-hc-quc-ng-nam-b-u-th-k-xx-my-ghi-nhn-v-tiu-thuyt-tam-ly-xa-hi-ai-tinh-ca-hoang-minh-t.html> [Ngày truy cập 23/9/2024]. [Nguyen Cong Ly. *Southern Vietnamese quốc ngữ literature in the early 20th century: Notes on Hoang Minh Tu’s social-psychological and romantic novels*. <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc-vi%E1%BB%87t-nam/2926-vn-hc-quc-ng-nam-b-u-th-k-xx-my-ghi-nhn-v-tiu-thuyt-tam-ly-xa-hi-ai-tinh-ca-hoang-minh-t.html> [Accessed 23 September 2024]].
- [10] Hoàng Minh Tự (soạn giả). *Sơn hậu*. Sài Gòn, Việt Nam: Đức Lưu Phương 158 rue d’Espagne – Saigon; 1934. [Hoang Minh Tu (writer). *Sơn hậu*. Saigon, Vietnam: Duc Luu Phuong 158 rue d’Espagne – Saigon; 1934].
- [11] Hoàng Minh Tự (soạn giả). *Tổng tâu Đơn Hùng Tín*. Sài Gòn, Việt Nam: Saigon- Imp, Bảo Tồn; 1931. [Hoang Minh Tu (writer). *Tổng tâu Đơn Hùng Tín*. Saigon, Vietnam: Saigon-Imp. Bao Ton; 1931].
- [12] Hoàng Minh Tự (soạn giả). *Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên*. Sài Gòn, Việt Nam: Bảo Tồn, 23, Rue Filippini – Saigon; 1931. [Hoang Minh Tu (writer). *Vợ Ngũ Vân Thiệu bị tên*. Saigon, Vietnam: Bao Ton, 23 rue Filippini – Saigon; 1931].

- [13] Hoàng Minh Tự (soạn giả). *Ông Địa nàng Tiên*. Đức Lưu Phương. Sài Gòn, Việt Nam: 158 rue d’Espagne – Saigon; Không rõ năm. [Hoang Minh Tu (writer). *Ông Địa nàng Tiên*. Saigon, Vietnam: Duc Luu Phuong, 158 rue d’Espagne – Saigon; (n.d.)].
- [14] Trần Đình Sử (chủ biên). *Tự sự học – Từ kinh điển đến hậu kinh điển*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2022. [Tran Dinh Su (ed.). *Narratology – From classical to post-classical*. Hanoi, Vietnam: Education Publishing House; 2022].
- [15] Hoàng Châu Ký (sưu tầm và giới thiệu). *Tuồng cổ*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà Xuất bản Văn hóa; 1978. [Hoang Chau Ky (comp. & intro.). *Classical Tuồng*. Hanoi, Vietnam: Culture Publishing House; 1978].
- [16] Huỳnh Ngọc Trảng (sưu tầm và biên soạn). *Văn hóa dân gian cổ truyền*. Địa nàng – Chập bóng Tuồng hài Nam Bộ. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh; 1992. [Huynh Ngoc Trang (comp. & ed.). *Traditional folk culture: Địa nàng – Chập bóng Southern Vietnamese comic Tuong*. Ho Chi Minh City, Vietnam: Ho Chi Minh City Publishing House; 1992].

